

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đinh Khắc Quỳnh

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử N Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *NguY đơn:* Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 102, ấp Long C, xã Long V, huyện Châu T, tỉnh Tây N.

2. *Bị đơn:* Ông Lò Văn M - sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 10/88, đường Nguyễn Văn C, ấp Long Y, xã Long T N, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguY đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông M chung sống vào năm 1985, không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian vợ chồng sống chung đến năm 1990 thì ông M tự rời bỏ gia đình quen biết người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ năm 1990 đến nay, nay yêu cầu được ly hôn ông M.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lò Yến N - sinh năm 1987, Lò M N - sinh năm 1989, các con đã trưởng T không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, không nợ chung.

Đối với ông Lò Văn M là bị đơn, Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng ông M không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn, con chung đã trưởng T không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu, nguY đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T là nguY đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đối với ông Lò Văn M là bị đơn vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng vào Điều 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lò Văn M chung sống với nhau vào năm 1985, không đăng ký kết hôn. Nhưng quá trình bà T và ông M sống chung trước ngày 03/01/1987, theo Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, nên được công nhận là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình bà T và ông M sống chung đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 1990 đến nay, bà T xác định không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với ông M. Đối với ông M, Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng ông M không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên tòa, nên không có ý kiến. Do đó, giữa bà T và ông M không còn tình cảm, bà T đã về xã Long V, huyện Châu T sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 1990 đến nay. Mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 02 người con chung tên Lò Yên N - sinh năm 1987, Lò M N - sinh năm 1989, các con đã trưởng T bà T không yêu cầu giải quyết.

[4]. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, về nợ chung khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguY đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

TuY xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Xin ly hôn” của bà Nguyễn Thị T đối với ông Lò Văn M.

Bà Nguyễn Thị T và ông Lò Văn M được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Lò Yến N - sinh năm 1987, Lò M N - sinh năm 1989; các con đã trưởng T bà T không yêu cầu giải quyết.

3. Tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, nợ chung khai không nợ.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009901 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tt theo quy định.

